

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN H
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27 /2025/HNGĐ-ST

Ngày: 22/05/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN H, THÀNH PHỐ H

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thuý Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Minh

2. Ông Nguyễn S Hoá

-Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Trường - Thư ký Tòa án nhân dân quận H - Thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận H, thành phố H tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Cẩm Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 05 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận H – thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 978 /2024/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2024 về việc tranh chấp xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2024 QĐST-XX Ngày 22/4/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 18 /QĐST- HPT ngày 5/5/2025 giữa :

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc H - sinh năm 1992 (Có mặt)

Hộ khẩu thường trú và cư trú: Khu dân sự số 7 P, P, thành phố C, Tỉnh H

- Bị đơn: Anh Bùi Công S - sinh năm 1980 (Vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú và cư trú: Số nhà 78 đường H, tổ 1, phường H, quận H, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 30 tháng 12 năm 2024 và bản tự khai ngày 23/1/2025 nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc H trình bày: Chị và anh Bùi Công S kết hôn với nhau tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 26/10/2021 tại UBND phường H, quận H, H. Sau khi kết hôn anh, chị sống ở nhà bố mẹ đẻ anh S tại Địa chỉ số nhà 78 đường H, tổ 1, phường H, quận H, Thành phố H. Anh, chị chung sống đến tháng 8 năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do tính cách và quan điểm sống không hợp nhau

Mặt khác, do vợ chồng kết hôn đã lâu nhưng chưa có con chung nên tình cảm, cũng như sự ràng buộc, gắn kết không có nên hai người đã sống ly thân mỗi người ở một nơi, không ai quan tâm đến ai từ tháng 8/2024 cho đến nay.

Trong thời gian sống ly thân, hai bên gia đình nói chung và giữa hai người nói riêng có gặp gỡ nói chuyện nhưng mâu thuẫn không thể khắc phục được.

Nay chị H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể tiếp tục, nên chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh S để chị ổn định cuộc sống.

- Về con chung: không có con chung
- Về tài sản chung chúng và nhà ở chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị H chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm

Tại bản tự khai ngày 31/3/2025 anh Bùi Công S trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Ngọc H kết hôn với nhau tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 26/10/2021 tại UBND phường H, quận H, H. Sau khi kết hôn, cả hai sống tại số nhà 78 đường H, quận H, H. Từ tháng 8 năm 2024, chúng tôi đã sống ly thân. Chị H bỏ ra ngoài, ở đâu anh không rõ. Nay chị H làm đơn xin ly hôn anh đề nghị Tòa án quận H xem xét hòa giải.

- Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung chúng và nhà ở chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 22/4/2025, do anh Bùi Công S vắng mặt nên không có ý kiến. Chị H giữ nguyên ý kiến như đã trình bày tại bản tự khai ngày 23/1/2024.

Tại phiên tòa hôm nay anh S vắng mặt, chị H có mặt vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận H phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, của HĐXX và những người tham gia tố tụng:

Tòa án nhân dân quận H thụ lý đơn xin ly hôn của chị H đối với anh S là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật TTDS. Sau khi thụ lý Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định tại Điều 195, 196, 197 Bộ luật TTDS; Về thời hạn chuẩn bị xét xử Tòa án giải quyết đúng thời hạn chuẩn bị xét xử.

Tại phiên tòa, HĐXX, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/UBTVQH quy định về án phí năm 2016:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc H đối với anh Bùi Công S. Chị H được ly hôn anh S

Về con chung: Không có , không xem xét

Về tài sản chung: Không có , không xem xét

Về vay nợ: Không có , không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Về quyền kháng cáo : Chị H và anh S được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án là tranh chấp “ Hôn nhân và gia đình” quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 giữa nguyên đơn : chị Nguyễn Thị Ngọc H và bị đơn anh Bùi Công S.

Anh Bùi Công S có hộ khẩu thường trú và cư trú tại địa chỉ : Số 78 đường H, tổ 1 phường H, quận H, thành phố H nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận H, thành phố H theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Thị Ngọc H có mặt, anh Bùi Công S đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt anh Bùi Công S.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc H và anh Bùi Công S

Có đăng ký kết hôn ngày 26/10/2021 tại UBND phường H, quận H, H, và được UBND phường H cấp giấy chứng nhận kết hôn số 106/2021 ngày 26/10/2021. Trước khi kết hôn, chị H, anh S có tìm hiểu và tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn anh, chị sống ở nhà bố mẹ đẻ anh S tại địa chỉ số nhà 78 đường H, tổ 1, phường H, quận H, Thành phố H. Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh S là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống tại số 78 đường H ,tổ 1 phường H , quận H do bất đồng quan điểm và lối sống nên phát sinh mâu thuẫn, Đến tháng 8 năm 2024,chị H không còn chung sống với anh S tại địa chỉ trên. Hai bên đã sống ly thân từ đó đến nay. Mỗi người tự lo cuộc sống riêng và không quan tâm đến nhau.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh S để tham gia các buổi làm việc, hòa giải, tiếp cận công khai chứng cứ nhưng ngoài bản tự khai ngày 31/3/2025, các buổi làm việc như hòa giải, tiếp cận công khai chứng cứ anh S đều vắng mặt mà không có lý do. Điều đó thể hiện dù anh S có đề đạt nguyện vọng hòa giải, hàn gắn đoàn tụ nhưng thực tế anh S không hề có thiện chí làm việc, quá trình mâu thuẫn cũng không hề gặp gỡ nguyên đơn nhằm tháo gỡ mâu thuẫn để vợ, chồng đoàn tụ. Trong khi đó chị H xác định không còn tình cảm, không muốn tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân với anh S và kiên quyết xin ly hôn.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại tổ dân phố 1 phường H và được cung cấp thông tin như sau: Anh Bùi Công S và chị Nguyễn Thị Ngọc H sống tại địa chỉ 78 đường H, phường H, quận H cùng gia đình anh S. Quá trình chung sống tại địa phương anh S, chị H không đăng ký với tổ dân phố với công an phường nên địa phương không nắm rõ về mâu thuẫn vợ, chồng. Anh S hiện vẫn đang sống tại 78 đường H, phường H, quận H. Chị H hiện không còn sinh sống tại địa chỉ trên.

Về con chung: Địa phương không biết

Về tài sản và nhà ở chung: Địa phương không biết

Về công nợ chung: : Địa phương không biết

Nay có việc chị Nguyễn Thị Ngọc H có đơn xin ly hôn anh Bùi Công S, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Từ phân tích nêu trên, đủ cơ sở để khẳng định tình trạng mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân giữa chị H và anh S đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho chị H ly hôn anh S theo Điều 51, Điều 56 luật Hôn nhân gia đình 2014 là có căn cứ.

3.Về con chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4.Về tài sản chung và nhà ở chung : Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

6.Về án phí và quyền kháng cáo: Chị H phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Chị H, anh S có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc H

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc H được ly hôn với anh Bùi Công S.

2. Về con chung: Không có, không xem xét

3. Về tài sản chung, nhà ở chung: Không có, không xem xét

4. Về công nợ chung: Không có, không xem xét

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị H đã nộp theo biên lai số 0034458 ngày 31/12/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự quận H, thành phố H.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Ngọc H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Bùi Công S vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố H;
- VKSND quận H;
- Chi cục THA dân sự quận H;
- UBND phường H, H, H (GCNKH số 106 ngày 26/10/2021)
- Dương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thúy Hà